TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2019/HS-PT
Ngày: 21-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh
Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt
Ông Bùi Quang Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Nồm – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm C khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 75/2019/HSPT ngày 21 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo Bùi Lê C do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2019/HSST ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Bùi Lê C** (Ba C), sinh năm: 1997 tại Bến Tre; Nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn N, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1966; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/12/2018; đến ngày 27/12/2018 chuyển sang tạm giam cho đến nay. (Có mặt);

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Minh V– Luật sư Văn phòng luật sư Trần Minh V thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre (có mặt).

(Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Đặng Minh B, Cao Thị Tr nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Minh B và Cao Thị Tr sống chung với nhau như vợ chồng tại quán cà phê gội đầu "555" thuộc ấp T, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre. Do không có tiền tiêu xài, B và T thống nhất với nhau mua ma túy về phân nhỏ bán lại kiếm lời lấy tiền tiêu xài chung.

Vào sáng ngày 24/12/2018, B và T mua ma túy của người tên H ở thành phố Hồ Chí Minh (chưa rõ họ tên, địa chỉ) với giá 500.000 đồng. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày Võ Hữu V gọi điện thoại đến đặt mua ma túy với giá 300.000 đồng và hẹn điểm giao dịch mua bán ma túy tại tiệm nét khu vực gần cầu Lương Ngang thuộc xã TH, huyện G, B và T đồng ý. Lúc này, Bùi Lê C đang có mặt tại quán "555", B đưa cho C 01 túi ma túy, 01 điện thoại di động hiệu Mobistar vỏ màu T - đen, bên trong gắn thẻ sim có số thuê bao xxxxxxxxxxvà 01 xe mô tô biển số xxBx-xxx.xxđể nhờ C đi giao ma túy cho V lấy tiền đem về đưa cho B và T, C đồng ý.

Vào lúc 13 giờ 35 phút ngày 24/12/2018, C đang điều khiển xe mô tô biển số xxBx-xxx.xx theo Quốc lộ 57C hướng từ xã H đi xã TH, huyện G, trên tay trái của C cầm theo 01 túi ma túy. Đến khu vực thuộc ấp G, xã TH, huyện G thì bị lực lượng công an huyện G phối hợp với công an xã TH, huyện G phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tạm giữ từ C các đồ vật có liên quan, trong đó có 01 túi nilon màu T được hàn kín bốn đầu, bên trong chứa tinh thể màu T do C ném từ tay trái xuống lề cỏ bên phải theo hướng đang lưu thông khi bị lực lượng chức năng yêu cầu dừng xe kiểm tra, C khai là ma túy của B và T nhờ C đi bán cho V, được niêm phong ký hiệu chữ "M".

Căn cứ vào lời khai của Bùi Lê C. Vào lúc 13 giờ 55 phút, ngày 24/12/2018, lực lượng công an huyện G phối hợp với công an xã H, huyện G đến kiểm tra và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Đặng Minh B và Cao Thị Tr về hành vi mua bán trái phép chất ma túy tại quán cà phê gội đầu "555" thuộc ấp T, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre, tạm giữ từ B và T các đồ vật có liên quan, trong đó có 01 túi nilon màu T được hàn kín 03 đầu, 01 đầu có rảnh khép, bên trong chứa tinh thể màu T để trong túi áo phía trước bụng của T đang mặc, B và T khai là ma túy mua được vào sáng ngày 24/12/2018, B đã phân ra 01 phần nhờ C đi bán cho V, số còn lại đưa T cất giữ, được niêm phong ký hiệu "M1".

Theo kết luận giám định các số 35, 36/2018/GĐMT ngày 25/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bến Tre kết luận:

- Tinh thể màu T đựng trong 01 gói nilon được niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, khối lượng 2,1267 gam. Hoàn lại mẫu vật sau giám định có khối lượng 2,0664 gam, được niêm phong.

- Tinh thể màu T đựng trong 01 gói nilon được niêm phong ký hiệu M gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, khối lượng 0,1887 gam. Hoàn lại mẫu vật sau giám định có khối lượng 0,1620 gam, được niêm phong.

Trong quá trình điều tra, Đặng Minh B, Cao Thị Tr và Bùi Lê C khai nhận: B biết và mua ma túy của người tên H là do người chị tên Tiên ở thành phố Bến Tre (chưa rõ họ tên, địa chỉ) giới thiệu. Khoảng cuối tháng 9/2018 đến ngày bị bắt quả tang, B và T mua ma túy của người tên H 03 lần với tổng số tiền là 1.300.000 đồng (lần cuối vào ngày 24/12/2018), cùng cách thức là B và T đến chợ GT, huyện B, tỉnh Bến Tre, T đưa tiền cho B để B đi gặp người đàn ông chạy xe ôm (chưa rõ họ

tên, địa chỉ) giao tiền cho người này để chuyển lên cho người tên H, sau đó người tên H để ma túy vào gói thuốc nam gửi xe khách về cho B (B không biết là hãng xe khách nào). Khi nhận được ma túy B trực tiếp phân nhỏ và đưa cho T cất giữ để bán lại cho người hút ma túy cụ thể: B và T đã trực tiếp bán ma túy cho Võ Văn Tr 02 lần, lần thứ nhất cách ngày bị bắt quả tang khoảng ba tháng với số tiền 80.000 đồng, lần thứ hai vào khoảng giữa tháng 11/2018 với số tiền 200.000 đồng; bán cho Trương Thế A 02 lần, lần thứ nhất vào ngày 10/12/2018, lần thứ hai vào ngày 23/12/2018 cùng với số tiền là 100.000 đồng; bán cho Phạm Lê Huy H 01 lần vào ngày 10/12/2018 với số tiền 200.000 đồng; bán cho Nguyễn Thanh C 02 lần, lần thứ nhất vào ngày 13/12/2018 với số tiền 180.000 đồng, lần thứ hai vào ngày 23/12/2018 với số tiền 150.000 đồng; bán cho Võ Hữu V 02 lần, lần thứ nhất vào ngày 16/12/2018 với số tiền 170.000 đồng, lần thứ hai vào ngày 19/12/2018 với số tiền 80.000 đồng. Ngoài ra, B và T còn nhờ Bùi Lê C đi giao mua túy cho những người nghiện gọi điện thoại đến đặt mua, C đồng ý đi giao ma túy để được B và T cho sử dụng ma túy không thu tiền, cụ thể B và T đã nhờ C đi giao ma túy cho Huỳnh T 02 lần, lần thứ nhất vào khoảng giữa tháng 11/2018 với số tiền 150.000 đồng, lần thứ hai vào khoảng đầu tháng 12/2018 với số tiền 100.000 đồng, tổng cộng là 250.000 đồng; vào ngày 24/12/2018, trên đường C đi giao ma túy cho Võ Hữu V thì bị bắt quả tang. Tổng số tiền Đặng Minh B và Cao Thị Tr dùng vào việc phạm tội (mua bán trái phép chất ma túy) là 1.510.000 đồng.

Ngoài tạm giữ 02 gói ma túy khi bắt quả tang B, T và C, Cơ quan điều tra còn tạm giữ gồm:

- Từ Bùi Lê C: 01 điện thoại di động hiệu Mobistar vỏ màu T - đen, bên trong gắn thẻ sim có số thuê bao xxxxxxxxxxlà của B và T đưa cho C để liên lạc khi đi giao ma túy cho V; 01 điện thoại di động hiệu Oppo vỏ màu đen, bên trong gắn thẻ sim có số thuê bao xxxxxxxxxx là của Phạm Lê Huy H cho C mượn sử dụng trước đó, không liên quan đến việc mua bán ma túy và 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius FI, màu xám đen biển số xxBx-xxxxx, B và T mượn của Trương Thế A làm phương tiện đi lại trước đó, qua xác minh xe mô tô trên thuộc sở hữu của bà Phan Thị Đ (mẹ ruột Thế A), việc B và T sử dụng để đi mua bán ma túy Thế Avà bà Đ không biết. Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại cho H, xe mô tô cho bà Đ.

- Từ Đặng Minh B và Cao Thị Tr: 1.615.000 đồng, là số tiền B và T có được từ việc bán nước tại quán "555", B và T đã tự nguyện thỏa thuận và đồng ý dùng số tiền trên để liên đới giao nộp lại số tiền đã dùng vào việc phạm tội là 1.510.000 đồng, mỗi bị can nộp với số tiền 755.000 đồng, còn lại số tiền 105.000 đồng, T tự nguyện giao nộp để đảm bảo việc thi hành án.

- Từ việc khám xét khẩn cấp tại chỗ ở của B và T: 01 điện thoại di động hiệu Masstel vỏ màu đen, bên trong gắn thẻ sim có số thuê bao xxxxxxxxxx là của B và T sử dụng để liên lạc mua bán ma túy; các dụng cụ để B và T phân chia và sử dụng ma túy gồm: 06 quẹt ga đã qua sử dụng; 01 ống hút nhựa màu T; 01 lọ thủy tinh có nắp nhựa màu vàng, trên đầu nắp nhựa có 02 lỗ, 01 lỗ gắn 01 đoạn ống nhựa; 01

con dao có lưỡi B kim loại màu T, có chữ "STAINLESSSTEEL", cán B nhựa được quấn băng keo đen; 05 nỏ thủy tinh, trong đó có 01 nỏ thủy tinh được gắn vào nắp nhựa màu xanh, trên đầu nắp nhựa có 01 lỗ gắn đoạn ống nhựa màu xanh; 01 bình ga trên thân bình ga có chứ "BLUESKY"; 02 tép sơ mi (01 màu đỏ, 01 màu T) đã bị cắt, trên thân bìa có chữ "MY CLEAR BAG"; 02 cái kéo B kim loại màu T; 02 đoạn ống nhựa màu vàng (01 đoạn được hàn kín 01 đầu, đầu còn lại được vạt nhọn; 01 đoạn còn lại bình thường); 19 túi nhựa (04 túi màu T, 04 túi màu vàng, 11 túi màu đỏ) mỗi túi được hàn kín 03 đầu, 01 đầu để hở; 06 túi nhựa có sọc màu xanh, mỗi túi được hàn kín 03 đầu, 01 đầu còn lại có rảnh khép; 01 điện thoại di động hiệu Vivo vỏ màu đen, bên trong gắn thẻ sim có số thuê bao xxxxxxxxxx là của Trần Anh T đến uống nước để tại quán "555", không liên quan đến việc mua bán ma túy, Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại nêu trên cho T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2019/HS-ST ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện G đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Bùi Lê C phạm "Tội mua bán trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Lê C 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2018. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Đặng Minh B, Cao Thị Tr, phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/9/2019 bị cáo Bùi Lê C kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không thay đổi yêu cầu kháng cáo; Bị cáo khai nhận hành vi phù hợp nội dung bản án sơ thẩm.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Bùi Lê C phạm "Tội mua bán trái phép chấy ma túy" theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và xử phạt bị cáo 07 năm tù. Xét bị cáo chỉ là người giúp sức, thành khẩn khai báo, khai rõ hành vi của đồng phạm khác cần giảm một phần hình phạt cho bị cáo theo Điều 54 Bộ luật hình sự. Đề nghị căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Lê C từ 03 đến 04 năm tù về "Tội mua bán trái phép chất ma túy". Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng thống nhất đề nghị của Kiểm sát viên, thống nhất về tội danh và điều khoản bị cáo bị truy tố. Về tình tiết giảm nhẹ gia đình của bị cáo có nhiều người thân có công đất nước và các tình tiết giảm nhẹ khác như án sơ thẩm đã tuyên. Đề nghị chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và kháng cáo của bị cáo sửa án sơ thẩm giảm hình phạt tù cho bị cáo,

Lời nói sau cùng bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù để sớm về gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định. Từ cuối tháng 9 năm 2018 đến 24 tháng 12 năm 2018 Đặng Minh B và Cao Thị Tr cùng hực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho nhiều người. Riêng trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2018 đến 24 tháng 12 năm 2018 Đặng Minh B và Cao Thị Tr nhờ Bùi Lê C đi giao ma túy cho người mua và C đã đi giao ma túy cho Huỳnh T 02 lần với tổng giá tiền 250.000 đồng và vào ngày 24 tháng 12 năm 2018, C nhận từ B 0,1887 gam Methamphetamine để đi giao cho Võ Hữu V, trên đường đi thì bị bắt quả tang tại ấp G, xã TH, huyện G, tỉnh Bến Tre. Với ý thức, hành vi mà bị cáo đã thực hiện, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên bố bị cáo Bùi Lê C phạm "Tội mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo đã xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có cha ruột là bộ đội xuất ngũ, hiện là hội viên hội cựu chiến binh xã H, có hai bác ruột là Bùi Văn T và Bùi Văn G là liệt sĩ, có bà nội là bà Triệu Thị R được truy tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt tù lý do bị cáo không hưởng lợi từ số tiền thu lợi bất chính do bán ma túy, bị cáo là con trai duy nhất trong gia đình, cha bị cáo bị bệnh tim phải thường xuyên điều trị ở bệnh viện Chợ Rẫy, gia đình gặp nhiều khó khăn, gia đình có nhiều người có công với cách mạng. Xét các tình tiết bị cáo đưa ra theo hồ sơ thể hiện lý lịch của bị cáo thì bị cáo còn có một người chị; việc bệnh của cha bị cáo và về hoàn cảnh của bị cáo thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; đối với tình tiết không hưởng lợi từ số tiền thu lợi bất chính do bán ma túy, nhưng bị cáo được B và T cho sử dụng ma túy không thu tiền, còn tình giảm nhẹ khác đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng. Tòa án cấp sơ thẩm đã có xem xét hành vi và mức độ phạm tội của bị cáo nên áp dụng hình phạt nhẹ hơn so với B và T và xử phạt bị cáo 07 năm tù là mức thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố là thỏa đáng nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cũng như đề nghị của Kiểm sát viên và của người bào chữa cho bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí, bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 23/2019/HS-ST ngày 11-9-2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre;

Tuyên bố bị cáo Bùi Lê C phạm "Tội mua bán trái phép chất ma túy";

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 58, 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Bùi Lê C** (Ba Chỉ) 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2018.

[2] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Bùi Lê C phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về hình phạt tù đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Vụ GĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ C an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện G (3b);
- C an và VKSND huyện G (2b);
- Chi cục THADS huyện G (1b);
- UBND xã H, h. G (1b);
- Nhà tạm giữ C an huyện G (02b);
(Yêu cầu nhà tạm giữ tống đạt cho bị cáo 1b)
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tỉnh